

DANH SÁCH ỨNG VIÊN TRÚNG TUYỂN - EPA KHÓA 14
(Kỳ thi tuyển chọn ứng viên Chương trình VJEPA ngày 07/7/2026)

STT	SDB	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Tỉnh - Thành phố	Vị trí đăng ký dự tuyển
1	EPA14VN001	LÂM BÌNH AN	6/14/2005	Nam	Cần Thơ	NVCS (Hộ lý)
2	EPA14VN002	NGUYỄN THỊ LAN ANH	12/12/2003	Nữ	Hà Tĩnh	NVCS (Hộ lý)
3	EPA14VN003	HỒ THỊ NGỌC ÁNH	11/19/2004	Nữ	Nghe An	NVCS (Hộ lý)
4	EPA14VN004	HOÀNG THỊ DIỄN	3/10/1994	Nữ	Huế	NVCS (Hộ lý)
5	EPA14VN005	LÊ NGUYỄN TRUNG THUỶ DUNG	7/9/2003	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	NVCS (Hộ lý)
6	EPA14VN006	HÀ THỊ DƯƠNG	4/15/2002	Nữ	Phú Thọ	NVCS (Hộ lý)
7	EPA14VN008	SỬ CHẤN MỸ DUYÊN	10/20/2003	Nữ	Khánh Hoà	NVCS (Hộ lý)
8	EPA14VN009	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	3/22/2004	Nữ	Huế	NVCS (Hộ lý)
9	EPA14VN010	TRẦN THỊ NGỌC DUYÊN	6/10/1995	Nữ	Lâm Đồng	NVCS (Hộ lý)
10	EPA14VN011	NGUYỄN THỊ THU HẢI	1/3/2004	Nữ	Huế	NVCS (Hộ lý)
11	EPA14VN012	NGUYỄN HỮU HẬU	4/29/2002	Nữ	Khánh Hoà	NVCS (Hộ lý)
12	EPA14VN013	LƯÔNG THỊ MAI HIỀN	5/21/2004	Nữ	Thái Nguyên	NVCS (Hộ lý)
13	EPA14VN014	ĐÀO THỊ HIỀN	4/25/1999	Nữ	Hưng Yên	NVCS (Hộ lý)
14	EPA14VN016	PHẠM TRUNG HIẾU	12/11/2004	Nam	Phú Thọ	NVCS (Hộ lý)
15	EPA14VN017	TRẦN THỊ MAI HOA	8/29/2004	Nữ	Hưng Yên	NVCS (Hộ lý)
16	EPA14VN018	ĐINH NGUYỄN THƯƠNG HOÀI	6/23/2002	Nữ	Bắc Ninh	NVCS (Hộ lý)
17	EPA14VN019	NGUYỄN THỊ HOÀI	12/21/2003	Nữ	Đắk Lắk	NVCS (Hộ lý)
18	EPA14VN020	NGUYỄN VĂN HÙNG	12/30/2004	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	NVCS (Hộ lý)
19	EPA14VN021	VŨ THỊ LIÊN HƯƠNG	4/27/1998	Nữ	Bắc Ninh	ĐIỀU DƯỠNG
20	EPA14VN022	PHAN THỊ HƯỜNG	4/10/2002	Nữ	Gia Lai	NVCS (Hộ lý)
21	EPA14VN023	VŨ THỊ HUYỀN	11/12/2002	Nữ	Ninh Bình	NVCS (Hộ lý)

22	EPA14VN025	BÙI THỊ THÙY LINH	6/15/2003	Nữ	Quảng Trị	NVCS (Hộ lý)
23	EPA14VN026	LẠI THUYỀN LINH	6/20/1995	Nữ	Hưng Yên	NVCS (Hộ lý)
24	EPA14VN027	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	11/30/1994	Nữ	Đồng Nai	NVCS (Hộ lý)
25	EPA14VN028	PHẠM ĐIỀU LINH	10/23/2004	Nữ	Quảng Trị	NVCS (Hộ lý)
26	EPA14VN029	LÊ VĂN MẠNH	8/16/1993	Nam	Quảng Ngãi	ĐIỀU DƯỠNG
27	EPA14VN030	NGUYỄN THỊ BÉ NGOAN	12/19/2002	Nữ	Đồng Tháp	NVCS (Hộ lý)
28	EPA14VN031	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	7/6/1994	Nữ	Nam Định	NVCS (Hộ lý)
29	EPA14VN032	NGUYỄN THỊ HOÀNG NGUYÊN	10/28/2004	Nữ	Đồng Tháp	NVCS (Hộ lý)
30	EPA14VN033	TRẦN MINH NGUYỆT	2/7/2001	Nữ	Thái Nguyên	NVCS (Hộ lý)
31	EPA14VN034	PHẦN MÂY NHÀN	3/23/2004	Nữ	Lào Cai	NVCS (Hộ lý)
32	EPA14VN035	PHAN LÊ VĂN NHI	12/3/1996	Nữ	Tây Ninh	NVCS (Hộ lý)
33	EPA14VN036	TRẦN HOÀNG NHI	1/9/1999	Nữ	Lâm Đồng	ĐIỀU DƯỠNG
34	EPA14VN037	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	2/18/2002	Nữ	Ninh Bình	NVCS (Hộ lý)
35	EPA14VN038	NGUYỄN THỊ TUYẾT OANH	6/1/2002	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	NVCS (Hộ lý)
36	EPA14VN039	PHẠM THỊ CẨM OANH	1/3/1993	Nữ	Hà Tĩnh	NVCS (Hộ lý)
37	EPA14VN040	LÊ KIỀU PHƯƠNG	10/24/2000	Nữ	Hà Nội	NVCS (Hộ lý)
38	EPA14VN042	NGUYỄN THỊ THẢO QUYÊN	12/4/2004	Nữ	Đà Nẵng	NVCS (Hộ lý)
39	EPA14VN043	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	9/12/2005	Nữ	Hà Tĩnh	NVCS (Hộ lý)
40	EPA14VN044	NGUYỄN THỊ THẨM	2/7/2004	Nữ	Hải Phòng	NVCS (Hộ lý)
41	EPA14VN045	TRẦN THỊ THIÊN	10/5/2004	Nữ	Bắc Ninh	NVCS (Hộ lý)
42	EPA14VN046	NGUYỄN THỊ HOÀNG THƠ	9/21/1996	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	NVCS (Hộ lý)
43	EPA14VN047	HOÀNG THỊ THÊM THUÝ	10/15/1993	Nữ	Hưng Yên	ĐIỀU DƯỠNG
44	EPA14VN048	NGUYỄN THỊ TÌNH	8/18/2005	Nữ	Hà Nội	NVCS (Hộ lý)
45	EPA14VN049	NGUYỄN THỊ TÌNH	5/12/1996	Nữ	Bắc Ninh	NVCS (Hộ lý)
46	EPA14VN050	HỨA MINH TRANG	9/13/2002	Nữ	Hà Nội	NVCS (Hộ lý)
47	EPA14VN051	NGUYỄN VIỆT QUỲNH TRANG	8/11/2005	Nữ	Huế	NVCS (Hộ lý)

48	EPA14VN052	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	12/20/2003	Nữ	Hưng Yên	NVCS (Hộ lý)
49	EPA14VN053	CAO THỊ LOAN TRINH	10/20/1999	Nữ	Quảng Ngãi	NVCS (Hộ lý)
50	EPA14VN054	VÕ TRẦN THANH TRÚC	1/26/1994	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	NVCS (Hộ lý)
51	EPA14VN055	TRƯỜNG THỊ KIM TUYỀN	5/15/2003	Nữ	An Giang	NVCS (Hộ lý)
52	EPA14VN056	MAI HY VỌNG	7/1/2001	Nam	Gia Lai	ĐIỀU DƯỠNG
53	EPA14VN057	NGUYỄN THỊ THANH VY	1/14/2003	Nữ	Đà Nẵng	NVCS (Hộ lý)
54	EPA14VN058	TRẦN THỊ BẢO VY	3/17/2001	Nữ	Nghệ An	NVCS (Hộ lý)
55	EPA14VN059	NGUYỄN THỊ XUYẾN	10/21/1993	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	ĐIỀU DƯỠNG
56	EPA14VN060	LÊ THỊ HỒNG YẾN	10/7/1996	Nữ	Đồng Tháp	ĐIỀU DƯỠNG
57	EPA14VN061	TRẦN THỊ HẢI YẾN	8/29/2004	Nữ	Huế	NVCS (Hộ lý)